

**SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2066/BG-BVĐK
Về việc yêu cầu báo giá thiết bị y tế phục vụ
hoạt động chuyên môn thường xuyên của
Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình.
(Gia hạn lần 2)

Thái Bình, ngày 19 tháng 10 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình
- Người tiếp nhận: Ông Bùi Thanh Lịch – Phòng KHTH
SĐT: 0961.87.55.89 - Email: thanhlichdktp@gmail.com
- Địa điểm tiếp nhận báo giá: Phòng Kế hoạch tổng hợp - Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình.

Địa chỉ: Đường Trần Thánh Tông, phường Lê Hồng Phong, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

4. Thời hạn nhận báo giá lần 01: 14h00 ngày 04/10/2023 đến trước 15h00 ngày 16/10/2023.

- Thời hạn nhận báo giá lần 02: 16h00 ngày 19/10/2023 đến trước 15h00 ngày 26/10/2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày phát hành.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế: (Chi tiết mô tả đính kèm **Phụ lục 01**)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau: Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình.

Địa chỉ: Trần Thánh Tông, P. Lê Hồng Phong, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo



chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 120 ngày

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác cần liên hệ: Bùi Thanh Lịch – Phòng KHTH – Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình.

Các đơn vị tham gia báo giá gửi kèm 01 bộ hồ sơ năng lực, đồng thời cần cung cấp thông tin chính xác, rõ ràng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã cung cấp.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT; KHTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Thanh Sơn

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)				
TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
1	Máy soi cổ tử cung	Chiếc	01	Cấu hình: – Máy chính: 01 chiếc – Camera kỹ thuật số: 01 chiếc – Phần mềm chuyên dụng: 01 bộ – Card bắt hình: 01 cái – Phần mềm tiếng anh: 01 bộ – Giá đỡ máy: 01 cái – Máy in màu: 01 cái – Card kết nối máy in với máy vi tính: 01 chiếc – Sách HDSD anh việt: 01 bộ Thông số kỹ thuật: – Bộ xử lý hình ảnh: SONY Color CCD – Điểm ảnh: 1.200.000 pixel – Độ phân giải: lớn hơn 825 dòng (chuẩn) hoặc hơn 1000 dòng với chế độ GAMMA – Chỉnh ảnh: Cho phép xoay hình, lấy đối xứng. – Giải điều chỉnh độ tương phản: 5 nấc. – Giải điều chỉnh độ nhạy ánh sáng: 5 nấc. – Giải điều chỉnh lọc ánh sáng xanh: 5 nấc – Tỷ số S/N: >48db – Nguồn sáng: LED siêu sáng, không bóng ảnh MCD – Tuổi thọ: Trung bình >20.000 giờ. – Nhiệt độ màu: 7000°K – Tiêu cự: Chế độ tự động hoặc bằng tay.

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)				
TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
				– Khoảng cách tiêu cự: 20-30cm/30-40cm – Chiều sâu trường quan sát: $\Phi 5\text{mm}$ - 200mm – Vùng quan sát: $\Phi 10\text{mm}$ - 170mm – Độ phóng đại: 1 – 45x – Hiện thị độ phóng đại: Có – Hẹn giờ kiểm tra: có – Đánh dấu vị trí: Phần mềm cho phép đánh dấu những điểm bất thường được nhìn thấy trên cổ tử cung. Do đó có thể làm nổi bật bất kỳ khu vực quan tâm nào trong báo cáo, được tìm thấy trong quá trình soi cổ tử cung. – Đánh dấu và đánh dấu Phần mềm tương thích: Window 7, XP, Vista – Cổng đầu ra: 1xY/C, 1x BNC composite. – Nguồn điện: 100-240V/ 50Hz - Dịch vụ đi kèm: Dịch vụ kèm theo – Hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ thành thạo cho người sử dụng – Thời gian bảo hành 12 tháng – Bảo trì bảo dưỡng định kỳ 6 tháng/lần – Có đội ngũ kỹ sư khắc phục sự cố 24/24 khi nhận được thông báo của khách hàng
2	Máy cắt đốt cổ tử cung	Bộ	01	Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn, bao gồm: 01 bộ a. Máy chính b. Tay dao sử dụng nhiều lần c. Tay dao sử dụng một lần d. Cáp nối bản cực trung tính e. Tấm bản cực trung tính f. Điện cực cắt loop elip

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)				
TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
				g. Điện cực cắt leep tam giác h. Điện cực đốt hình cầu i. Điện cực trích nang naboth j. Điện cực cắt dẹt k. Bộ hút khói l. Xe đẩy máy m. Ống dẫn hút khói n. Bộ lọc hepa o. Mỏ vít kết nối ống hút khói p. Bàn đạp chân q. Tài liệu hướng dẫn sử dụng
3	Máy áp lạnh CTC	Cái	01	+ Máy chính: 1 cái + Ách xi lanh, đồng hồ đo áp suất và lỗ thông hơi: 1 Bộ + Vòng chữ "O" cho hệ thống Cryo: 3 cái + Hướng dẫn sử dụng (CD): 1 cái + Hộp bảo quản: 01 cái + Xe đẩy bình khí: 01 cái - Tính năng: + Tùy chọn nhiều loại đầu áp lạnh có thể hấp tiết trùng, cho phép thay đổi các đầu áp lạnh trong quá trình sử dụng hoặc khi bình bật với dòng khí + Thân van được thiết kế và sản xuất đặc biệt cho sử dụng lâu dài (được kiểm tra đến 3000 PSI) + Tự động làm sạch với mọi chu kỳ và sử dụng bộ lọc gắn bên trong kích thước 60 micron luôn giữ cho sạch ở mọi thời điểm + Thiết kế vòng chữ 'O' cung cấp vòng đệm khí chắc chắn nơi đầu vít vào thân đầu súng,

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)				
TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
				do đó ngăn vòng chữ 'O' không bị trượt + Rã đông tức thì
4	Máy kéo giãn	Chiếc	01	"Cấu hình cơ bản bao gồm: - Máy chính: 01 cái - Phụ kiện cho máy theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; - Dây nguồn: 01 cái Cấu hình nâng cao bao gồm: - Máy chính: 01 cái - Phụ kiện cho máy theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; - Dây nguồn: 01 cái - Động cơ thủy lực: 01 cái - Cánh tay đỡ: 01 cái - Công tắc ngoại vi: 01 cái - Công tắc chân: 01 cái - Điều khiển bằng tay: 01 cái - Gối: 01 cái - Thanh treo ngang: 01 cái - Miếng đệm lưng: 01 cái - Đệm hỗ trợ đầu và bụng: 01 cái - Tấm bọc đệm hỗ trợ đầu và bụng: 01 cái - Khung mở rộng lực kéo: 01 cái - Nguồn cung cấp điện dự phòng: 01 cái Thông số kỹ thuật: 1. Nguồn điện: 220V 50HZ 2. Công suất đầu vào định mức: 120VA 3. Hành trình kéo cột sống lưng: 0~300mm, dung sai $\pm 10\text{mm}$ 4. Hành trình kéo chủ động: 0-200mm, dung sai $\pm 10\text{mm}$ 5. Lực kéo cột sống lưng: có thể điều chỉnh trong phạm vi 0-990N, với bước chênh lệch

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)				
TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
				10N, độ lệch giữa lực kéo đầu ra thực tế và giá trị đặt trước không lớn hơn: khi lực kéo không lớn hơn 200N, dung sai: $\pm 10\%$ hoặc $\pm 10N$, tùy giá trị nào lớn hơn; Khi lực kéo lớn hơn 200N, dung sai: $\pm 20\%$ hoặc $\pm 50N$ tùy giá trị nào nhỏ hơn 6. Tổng thời gian kéo: được đặt trong phạm vi 0-99 phút, chênh lệch bước là 1 phút và dung sai không quá 30 giây 7. Thời gian kéo: 0 ~ 9 phút, chênh lệch bước 1 phút, sai số không quá 30 giây 8. Thời gian kéo ngắt quãng: 0 ~ 9 phút, chênh lệch 1 phút, sai số không quá 30 giây 9. Lực kéo cổ: có thể điều chỉnh trong phạm vi 0-300N, với bước chênh lệch 10N, độ lệch giữa lực kéo đầu ra thực tế và giá trị đặt trước không lớn hơn: khi lực kéo không lớn hơn 200N, dung sai: $\pm 10\%$ hoặc $\pm 10N$, tùy giá trị nào lớn hơn; Khi lực kéo lớn hơn 200N, dung sai: $\pm 20\%$ hoặc $\pm 50N$ tùy giá trị nào nhỏ hơn. 10. Hành trình kéo cổ: 0~300mm, dung sai $\pm 10mm$ 11. Phạm vi hoạt động góc: $-10^{\circ} \sim +30^{\circ}$ có thể điều chỉnh liên tục, dung sai $\pm 2^{\circ}$, sai số vị trí góc 0 không quá $\pm 1^{\circ}$, góc trên vẫn ổn định. 12. Phạm vi xoay ngang: $\pm 20^{\circ}$ có thể điều chỉnh liên tục, dung sai $\pm 2^{\circ}$, tốc độ xoay trái và phải: $142^{\circ}/\text{phút}$, dung sai $\pm 15\%$ 13. Phạm vi quay: $\pm 25^{\circ}$ có thể điều chỉnh liên tục, dung sai $\pm 2^{\circ}$, tốc độ quay trái và phải: $165^{\circ}/\text{phút}$, dung sai $\pm 15\%$ 14. Chức năng sưởi ấm máy kéo giãn: nhiệt độ làm việc của bề mặt giường là 45°C, với sai số $\pm 3^{\circ}\text{C}$. 15. Máy vi tính điều khiển lực kéo và thắt lưng 16. Chức năng kéo chậm, bảng kéo có 8 chế độ kéo cho lực kéo thắt lưng; 17. Chức năng bù lực kéo tự động; 18. Lưu trữ và đọc 20 kế hoạch điều trị; 19. Lực kéo phương vị ba chiều bốn chiều, có thể thực hiện lực kéo đối đầu ở trạng thái xoay góc và xoay ngang; 20. Có các thiết kế an toàn (lực kéo tối đa 990N, công tắc tay cầm điều khiển dây khân cấp cho bệnh nhân, nút quay lại hoạt động khân cấp của nhân viên y tế); 23. Sản phẩm đã đạt chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng thiết bị y tế ISO9001, 13485

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)				
TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
				Cấu hình 1. Máy chính: 01 cái 2. Cáp điện cực bệnh nhân: 02 dây 3. Dây đai định vị: 01 bộ 4. Điện cực 70x50mm: 04 cái 5. Bao xốp điện cực 70x50mm: 04 cái 6. Bút cảm ứng: 01 cây 7. Dây nguồn + Adaptor : 01 cái 8. Xe đẩy: 01 cái 9. Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ III. Yêu cầu kỹ thuật - Màn hình màu LCD 7 inches, cảm ứng.
5	Máy điện xung điện phân (Máy điện trị liệu)	Bộ	02	- Tính năng BODY PART giúp chọn nhanh vùng điều trị - Giao diện QUICK giúp điều trị nhanh chóng - Có ngôn ngữ tiếng Việt giúp quá trình sử dụng được dễ dàng - Bộ nhớ máy có chức năng lưu lại thông tin bệnh nhân - Số kênh điện trị liệu: 02 kênh - Cường độ dòng ngõ ra chế độ CC: Max 140 mA (giá trị cực đại tức thời) - Cường độ dòng ngõ ra chế độ CV: Max 165 mA (giá trị cực đại tức thời) - Cường độ dòng ngõ ra với liệu pháp HVT: 10 A (giá trị cực đại tức thời) - Cường độ ngõ ra khi điều trị bằng vi dòng: 1000 μA (giá trị cực đại tức thời) - Áp ngõ ra chế độ CC: Max 200 V (giá trị cực đại tức thời) - Áp ngõ ra chế độ CV: Max 100 V (giá trị cực đại tức thời) - Áp ngõ ra với liệu pháp HVT: 500 V (giá trị cực đại tức thời) - Áp ngõ ra khi điều trị bằng vi dòng: 100 V (giá trị cực đại tức thời) - Dung sai biên độ ngõ ra: $\pm 20\%$
6	Máy sắc thuốc	Cái	01	Cấu hình thiết bị : - Thân máy sắc kèm cáp nguồn: 01 dây - Số lượng ấm sắc thuốc tối đa: 24 ấm/ lần

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)				
TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
				- Số lượng âm sắc tối thiểu: 6 âm/ lần - Dây nối đất dài 6m: 01 Chiếc - Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt: 01 Quyển - Điều khiển: Cơ khí hoặc điện tử - Rơ le nhiệt, đồng hồ thời gian, áp suất làm việc, tự động duy trì nhiệt độ - Thiết bị an toàn: Cảm biến nhiệt độ cắt toàn bộ hệ thống khi quá nhiệt, đồng hồ thời gian, rơ le bảo vệ khi quá tải.... - Phương pháp sắc: Đun trực tiếp - Kích thước âm sắc thuốc: (ĐK X ĐK X C)12cm X 15cm X 22cm - Dung tích âm: 1,5 - 2,5 lít - Vật liệu: INOX 304 - Công suất máy: 15 – 25KW - Nhiệt độ làm việc ban đầu: 200°C - Nhiệt độ duy trì: 80°C - 150°C - Thời gian đặt 85 độ C: Khoảng 10 - 30 phút - Thời gian sôi: Khoảng 30 - 45 phút - Cài đặt thời gian sắc: 0 - 6 giờ - Lượng thuốc sau khi sắc: 150 – 250ml - Nguồn nhiệt cung cấp: Điện trở khô hoặc dầu,.... - Nguồn điện: 220V/380 50Hz, - Kích thước máy: Khoảng 218cm x 80cm x 72cm (D x R x C) - Trọng lượng máy/bao bì: 140KG/155KG
7	Máy siêu âm điều trị	Chiếc	01	"CẤU HÌNH CƠ BẢN - Máy chính: 01 cái - Cáp nguồn: 01 cái - Đầu dò siêu âm điều trị đa tần (1/ 3MHz) khu vực chiếu 5 cm²: 01 cái - Giá đỡ đầu dò: 01 cái - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)

TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
				THÔNG SỐ KỸ THUẬT: Nguồn cung cấp: 230Vca, 50-60 Hz + 10% Công suất tiêu thụ : 65 VA Cầu chì : 2 x 630 mA-T Màn hình hiển thị: Màu 320x240 chức năng chạm và cuộn Thời gian điều trị : 1 – 30 phút Tần số đầu phát : 1/3 Mhz Nhóm an toàn điện: 1 BF Cấp an toàn (93/42/CEE): IIB Độ bảo vệ chất lỏng : IPXO Đầu phát: IPX4 Ngõ ra: 1 kênh Công suất đỉnh chế độ xung: từ 0.1 đến 3W/cm² Công suất đỉnh chế độ liên tục: 0.1 đến 2W/cm² Chu kỳ xung: 10% - 100% Chương trình trị liệu mẫu : 22 Chương trình có thể lưu thêm vào bộ nhớ máy : 200 Tự động cảnh báo tiếp xúc: Có Tự động cân chỉnh thông số đầu phát : Có Tự động nhận diện đầu phát : Có Đầu phát có thể siêu âm trong nước : Có Có khả năng cập nhật phần mềm hệ thống : Có Kết nối với kích thích điện : Có Kết nối với Vocal Unit : Có Trọng lượng : 3.6 kg

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)				
TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
				Kích thước: 39 x 14 x 30 cm
8	Máy điều trị nội nha và định vị chóp	Cái	01	- Kích thước: 21.5cm x 17.5cm x 9cm $\pm$ 1cm (đóng gói) - Trọng lượng: 1kg $\pm$ 10% - Nguồn điện: Pin lithium: 3.7V, 1500mAh, $\pm$ 10% - Nguồn cấp sạc: AC 100-240V, $\pm$ 10% - Công suất: 5V - Tần số: 50/60Hz - Vùng tốc độ: 120-1000 rpm - Lực torque: 0.5Ncm - 4Ncm Linh kiện và phụ kiện đi kèm máy chính: 1. Bộ nguồn 2. Dây đo 3. Đầu tay khoan 4. Kẹp trâm 5. Móc môi 6. Đế sạc 7. Chụp cách điện 8. Pin 9. Dây nối 10. Đầu tra dầu Hướng dẫn sử dụng - Lắp đặt phụ kiện máy hoàn chỉnh. - Ấn giữ nút tròn trên máy hoan 0.5 giây để bật máy. - Thay đổi bộ nhớ ấn < hoặc > - Lựa chọn chế độ: E-connect S có 11 chương trình trong bộ nhớ, ấn < hoặc > để thay đổi chế độ phù hợp, sau đó ấn nút tròn và chờ trong khoảng 5 giây để xác nhận. - Tắt máy: ấn và giữ nút tròn.
9	Máy nhổ răng siêu âm	Máy	01	- Máy chính (Control box): 01 bộ - Tay khoan (Piezo handpiece): 01 chiếc - Pedan (Foot controller): 01 chiếc - Giá đỡ (Handpiece stand): 01 chiếc - Móc treo (Hanger): 01 chiếc

Phụ lục 01 (Kèm theo yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)				
TT	Danh mục	ĐVT	SL	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
				- Dây nước (Irrigation tube): 01 bộ - Bộ vặn mũi (Torque wench) : 01 chiếc - Khay đỡ mũi (Tip holder): 01 chiếc - Bộ nguồn (Power cord): 01 bộ - Bộ mũi (Ultrasonic tip): 06 chiếc - HDSD Tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ
10	Máy lấy cao răng	Cái	01	Kích thước: 180mm x 180mm x 150mm Trọng lượng máy chính: 1.59 kg Trọng lượng của nguồn điện Đầu vào danh nghĩa 220VAC 50Hz / 110VAC 60Hz Công suất đầu vào 38VA Cầu chì của máy chính T0.5AL 250V Cầu chì của nguồn điện ---- Hành trình rung đầu tiên <90 μm Tần số rung 28kHz $\pm$ 3kHz Công suất đầu ra 3W-20W Lực nửa hành trình 0,5N-2N Áp suất nước vào 0,01MPa-0,5MPa Model tay khoan HP-5L (Có đèn LED, có thể tháo rời) Thiết lập chức năng G, p, E Kiểm soát cảm ứng: Có Bình chứa nước: Có

PHỤ LỤC 2 MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 2066/BG-BVĐK ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình)

BÁO GIÁ ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số 1326/BG-BVĐK ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	..									
2	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... , ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)



Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.